CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ HOA SIM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ HOA SIM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA SIM PRODUCTION TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110915560

3. Ngày thành lập: 16/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

102 đường Ngô Quyền, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0932.685.024* Fax:

Email: *Simdang43@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác gỗ (trừ các loại gỗ nhà nước cấm)	*0220*
2.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	*0231*
3.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	*0232*
4.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	*0240*
5.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
6.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
7.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
8.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
9.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
10.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	*1101*
11.	Sản xuất rượu vang	*1102*
12.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
13.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
14.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	*1391*
15.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	*1392*
16.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	*1393*
17.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1394*
18.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	*1399*
19.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
20.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	*1420*
21.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*

22.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
23.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
24.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
25.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
26.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
27.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
28.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	*1709*
29.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm)	*1811*
30.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem, trừ hoạt động Nhà nước cấm)	*1812*
31.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	*1820*
32.	Sản xuất hoá chất cơ bản	*2011*
33.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
34.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	*2100*
35.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (Không bao gồm dập khuôn tem, và các hoạt động nhà nước cấm)	*2591*
36.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
37.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
38.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	*2599*
39.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
40.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
41.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
42.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
43.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
44.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
45.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
46.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
47.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
48.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
49.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
50.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
51.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*

52.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
53.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
54.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
55.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
56.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
57.	Xây dựng công trình điện	*4221*
58.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
59.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
60.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
61.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
62.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
63.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
65.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	*4311*
66.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	*4312*
67.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
68.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
69.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
70.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
71.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	*4390*
72.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4511*
73.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	*4512*
74.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4513*
75.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
76.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4530*
77.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	*4541*
78.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
79.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	*4543*

80.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán, Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	*4610*
81.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm, Không bao gồm động vật hoang dã, động vật quý hiếm)	*4620*
82.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
83.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
84.	Bán buôn đồ uống	*4633*
85.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
86.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm, Loại trừ kinh doanh trang thiết bị y tế)	*4649(Chính)*
87.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm ngụy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	*4651*
88.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ thiết bị thu phát sóng)	*4652*
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (loại trừ kinh doanh trang thiết bị y tế)	*4659*
91.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ than đá, sang, chiết, nạp khí hóa lỏng)	*4661*
92.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
93.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm, Loại trừ kinh doanh trang thiết bị y tế)	*4669*
94.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	*4690*
95.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
96.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	*4719*
97.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
98.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
99.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
100.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	*4724*
101.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*

102.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm ngụy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	*4741*
103.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
104.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	*4751*
105.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
106.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
107.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
108.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
109.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm)	*4764*
110.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
111.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh dược phẩm)	*4772*
112.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng, đạn, tem và tiền kim khí, Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	*4773*
113.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá, Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	*4774*
114.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
115.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	*4782*
116.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	*4783*
117.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	*4784*
118.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	*4789*
119.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá, Sàn giao dịch thương mại điện tử doanh nghiệp đăng ký hoạt động không bao gồm các website giao dịch chứng khoán trực tuyến) Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	*4791*

120.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá, không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)	*4799*
121.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	*4932*
122.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	*4933*
123.	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa	*5021*
124.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
125.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	*5210*
126.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	*5221*
127.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu, lai dắt)	*5222*
128.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	*5510*
129.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);	*5610*
130.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
131.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);	*5629*
132.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);	*5630*
133.	Lập trình máy vi tính	*6201*
134.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
135.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
136.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	*6619*
137.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	*6810*

138.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ đấu giá, trừ sàn giao dịch bất động sản, trừ tư vấn pháp luật bất động sản) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản	*6820*
139.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	*7020*
140.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế cơ - điện công trình (không bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp); Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải); Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều	*7110*
141.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	*7310*
142.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)	*7320*
143.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
144.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ Thanh toán hối phiếu, thông tin tỷ lệ lượng, hoạt động của các nhà báo độc lập và hoạt động tư vấn chứng khoán)	*7490*
145.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
146.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	*7721*
147.	Cho thuê băng, đĩa video (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đổi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	*7722*
148.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác (trừ loại Nhà nước cấm)	*7729*
149.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	*7730*
150.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ Trung tâm dịch vụ việc làm)	*7810*

151.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm	*7820*
152.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	*7830*
153.	Đại lý du lịch	*7911*
154.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành	*7912*
155.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
156.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
157.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
158.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
159.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; loại trừ hoạt động đấu giá	*8299*
160.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	*8559*
161.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	*8560*
162.	Hoạt động thể thao khác (trừ loại nhà nước cấm, trừ hoạt động của các sàn nhảy; hoạt động của các phòng hát karaoke)	*9319*
163.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xoa bóp, gồm: Sử dụng phương pháp vật lý trị liệu để xoa bóp (massage), tẩm quất phục vụ sức khỏe con người.	*9610*
164.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ họp báo)	*8230*

6. Vốn điều lệ: 3.300.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐẶNG THỊ SIM Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *05/03/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033176011699*

Ngày cấp: *02/05/2023* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 15 phố Phan Bôi, TDP Nhân Vinh, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 15 phố Phan Bôi, TDP Nhân Vinh, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: ĐẶNG THỊ SIM Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/03/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033176011699*

Ngày cấp: *02/05/2023* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 15 phố Phan Bôi, TDP Nhân Vinh, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 15 phố Phan Bôi, TDP Nhân Vinh, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội